TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 324/2023/HS-PT
Ngày: 19/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Huấn.

Các Thẩm phán:

1.Ông Nguyễn Văn Hậu

2.Ông Trần Minh Châu

Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Quốc Khánh, thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Khá - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số A đường N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 299/2023/HS-PT ngày 28/8/2023 đối với bị cáo Đặng Trung T theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3995/2023/QĐXXPT-HS ngày 06/9/2023, do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 và kháng cáo của bị cáo T đối với bản án sơ thẩm số 60/2023/HS-ST ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo bị kháng nghị:

Họ và tên: **Đặng Trung T**; sinh ngày 02/02/1993 tại Long An; nơi đăng ký thường trú: 8/8 Khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An; nơi cư trú: không nơi ở nhất định; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Đình K và bà Nguyễn Thị Thanh T1; vợ tên Nguyễn Thị Huyền T2; có 01 con sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không;

Áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh: 01/6/2022;

Bắt, tạm giam: 24/4/2023;

Thay đổi biện pháp tạm giam bằng bảo lĩnh: 16/6/2023;

Bắt, tạm giam: 20/7/2023;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do làm ăn thua lỗ, bị cáo Đặng Trung T nảy sinh ý định làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây viết tắt là sổ hồng), thế chấp cho người khác để vay tiền.

Ngày 28/12/2021, thông qua nền tảng xã hội Facebook, bị cáo truy cập vào trang web "Làm giấy tờ giả các loại uy tín, chất lượng, nhanh chóng", đặt làm giả 01 sổ hồng với giá 5.000.000đ. Bị cáo T đồng ý và cung cấp cho người làm giả thông tin cá nhân họ tên, năm sinh, số CMND, địa chỉ căn nhà và đất cần làm giả là 85/20 đường T, Phường N, Quận A (địa chỉ này bị cáo T tìm ngẫu nhiên trên mạng).

Đến ngày 01/01/2022, theo thỏa thuận, bị cáo đến ngã ba đường P - L, quận B và được 01 nhân viên giao hàng (không rõ lai lịch) giao cho bị cáo một bìa hồ sơ bên trong đựng sổ hồng giả mang số BN013203, số vào sổ cấp GCN là CH00295 do Ủy ban nhân dân Quận A cấp ngày 06/01/2021, chủ sở hữu sử dụng nhà đất mang tên Đặng Trung T, sinh năm 1993, cư trú tại 8 Khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An; là chủ sở hữu, chủ sử dụng nhà đất số H đường T, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Bị cáo giao 5.000.000đ cho nhân viên giao hàng và xóa toàn bộ tin nhắn thỏa thuận làm giả sổ hồng vừa trên.

Sau khi có sổ hồng giả, bị cáo liên hệ với ông Bùi Tiến D, trao đổi việc cần thế chấp sổ hồng để vay tiền. Qua ứng dụng Zalo, ông D tiếp tục giới thiệu bị cáo T với một người tên T3 (không rõ lai lịch) để trao đổi việc cho vay. Đến khoảng 10 giờ ngày 01/01/2022, thông qua giới thiệu của T3, bị cáo gặp ông Nguyễn Văn T4 tại một quán cà phê ở Quận A để trao đổi việc cho vay. Qua trao đổi, ông T4 đồng ý ký hợp đồng mua bán, cầm sổ hồng của bị cáo T với giá 600.000.000đ. Trong thời hạn từ 02 đến 03 tháng, nếu bị cáo có tiền thì có quyền chuộc lại và trả lại tiền lãi cho ông T4. Nếu bị cáo không có tiền chuộc lại thì phải ký hợp đồng mua bán, chuyển nhượng nhà, đất ông T4. Hai bên đồng ý và đến Văn phòng C, địa chỉ 3 đường N, Phường D, Quận A để làm hợp đồng công chứng. Sau khi kiểm tra trên hệ thống thì bà L nhân viên của Văn phòng công chứng phát hiện nhà, đất đã đề cập đang thế chấp tại Ngân hàng. Vì nghi ngờ sổ hồng do bị cáo T đưa ra là giả, bà L đưa sổ hồng cho bà Đồng Thị H (Trưởng văn phòng công chứng) xem và lập biên bản tạm giữ sổ hồng. Sau đó, Văn phòng công chứng báo cho Công an P, Quận A đến xử lý. Công an P, Quận A lập hồ sơ vụ việc và chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q giải quyết theo quy định.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q đã tiến hành trưng cầu giám định thật giả đối với sổ hồng đã thu giữ. Căn cứ Kết luận giám định số 898/KLGĐ-TT ngày 26/01/2022 của Phòng K1 Công an Thành phố H,

xác định được như sau: Sổ hồng số BN 013203 cần giám định là giả (bản in, hình dấu tròn trên tài liệu cần giám định được làm giả bằng phương pháp in phun màu; chữ ký mang tên Vũ Nguyễn Quang V được ký giả trực tiếp).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q, kiểm tra điện thoại di động của bị cáo T không còn lưu giữ tin nhắn trao đổi việc làm sổ hồng giả. Tuy nhiên, trong phần hình ảnh, phát hiện có hình ảnh do bị cáo T chụp màn hình đoạn hội thoại trao đổi giữa bị cáo T và D việc tìm nơi thế chấp sổ hồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q, bị cáo khai nhận như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 08/01/2022, thông qua sự giới thiệu của T3, bị cáo gặp một người tên T4 (không rõ lai lịch) tại quán cà phê ở Quận A. Tại đây, bị cáo T nói dối là đang kẹt 02 container hàng tại cảng, cần gấp một số tiền nên muốn thế chấp, cầm cố bản chính giấy chứng nhận căn nhà của bị cáo mang số 85/20 đường T, phường N, Quận A với giá 600.000.000đ, ông T4 nói sẽ chuyển khoản cho bị cáo số tiền này và bị cáo cũng nói với D và T3 là sau khi cầm được 600.000.000đ thì bị cáo sẽ trả tiền môi giới cho D và T3 là 200.000.000đ, còn 400.000.000đ thì bị cáo giữ. Sau khi thống nhất xong, bị cáo điều khiển xe mô-tô biển số 53U3-1475 chở ông T4 đến Văn phòng C để làm hợp đồng công chứng có nội dung bị cáo ký nhận cọc bán nhà cho ông T4. Tại Văn phòng công chứng, bị cáo đề nghị ký hợp đồng và ông T4 sẽ chuyển khoản cho bị cáo 600.000.000đ. Tuy nhiên, ông T4 đề nghị phải có vợ của bị cáo đến để cùng ký, bị cáo có lấy điện thoại gọi cho ai đó. Trong lúc chờ vợ của bị cáo đến ký thì cả hai vào nộp sổ hồng cho bà Đồng Hoàng L1 là nhân viên của Văn phòng công chứng. Bà L1 kiểm tra trên hệ thống thì phát hiện căn nhà 8 đường T, Phường N, Quận A đang được thế chấp cho Ngân hàng nên nói nhỏ cho ông T4 biết là sổ hồng giả. Sau đó, Trưởng văn phòng công chứng là bà Đồng Thị H mời ông T4 và bị cáo vào phòng làm việc, lập biên bản thu giữ sổ hồng và báo cho Công an P, Quận A đến giải quyết.

Kết quả xác minh của Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H xác định căn nhà 8 đường T, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông Tăng Vĩ T5 và bà Huỳnh Thị Thanh T6. Hiện căn nhà đang thế chấp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1.

Vật chứng vụ án:

-01 giấy giả chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất địa chỉ 8 T, Phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

-01 điện thoại di động hiệu S Galaxy Note 8.

-01 xe mô-tô biển số 52U3-1475, số máy 209877-E310E, số khung: LPRSE-03202202430, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q tiến hành trưng cầu giám định số máy, số khung của xe, kết quả không thay đổi. Xác minh tại Đội Cảnh sát Giao thông Trật tự Công an Q xác định được xe mô-tô vừa nêu do bà Nguyễn Thị Việt H1 (cư trú tại 4 đường H, Phường E, Quận A) đăng ký chủ sở. Bà H1 khai giao chiếc xe trên cho bị cáo làm phương tiện đi lại.

Tại Cáo trạng số 54/CT-VKSQ10 ngày 21/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo về tội "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 60/2023/HS-ST ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định như sau:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 4 Điều 341; Điều 38; Điều 50; điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Đặng Trung T 02 (hai) năm tù về tội "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", thời hạn tù tính từ ngày 20/7/2023 nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 24/4/2023 đến ngày 15/6/2023.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo của bị cáo và các đương sự.

Ngày 31/7/2023, bị cáo có đơn kháng cáo với nội dung: Mức án 02 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với bị cáo là quá nặng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 03/8/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát Quận 10 ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKSQ10, kháng nghị đối với bản án 60/2023/HS-ST ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung như sau: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải nhưng Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo 02 năm tù và phạt bổ sung 10.000.000đ là quá nghiêm khắc, không phù hợp, tương xứng với tính chất mức độ vi phạm. Việc Hội đồng xét xử nhận định bị cáo phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" thuộc trường hợp chưa đạt và cho rằng Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 bỏ lọt tội phạm là không có căn cứ. "Tín giao sổ hồng giả cho nhân viên văn phòng C là để kiểm tra xem việc làm giả tinh vi thế nào, có thể qua được sự kiểm tra của công chứng hay không, chứ không phải để mục đích ký hợp đồng bán nhà cho ông T5". Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử tuyên sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu .

Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết kháng nghị như sau: Mục đích của bị cáo là chiếm đoạt tiền của ông T5. Bị cáo đưa sổ hồng cho nhân viên văn phòng công chứng kiểm tra là để xem văn phòng công chứng có phát hiện ra sổ hồng giả hay không. Trong trường hợp văn phòng công chứng không phát hiện được thì bị cáo sẽ ký hợp đồng với ông T5 để chiếm đoạt tiền của ông T5. Tuy nhiên, do bị nhân

viên văn phòng công chứng phát hiện nên bị cáo không thể thực hiện đến cùng. Đây là trường hợp phạm tội chưa đạt. Việc cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là để lọt tội phạm. Do vậy, cần hủy án sơ thẩm để điều tra xét xử lại. Do hủy án sơ thẩm nên không xem xét kháng cáo của bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 10.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng, cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ, tạo cơ hội cho bị cáo sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1].Căn cứ lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm, kết quả giám định và các tài liệu chứng cứ thu thập được, có căn cứ để xác định rằng:

Vì không có tiền tiêu xài nên bị cáo Đặng Trung T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác bằng cách làm giả giấy tờ nhà, đất rồi cầm cố giấy tờ giả cho người khác để lấy tiền.

Thông qua các nền tảng xã hội, bị cáo đã liên hệ và thuê những người không rõ lai lịch làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (gọi tắt là sổ hồng) mang các thông tin như sau: Sổ hồng số BN 013203; số vào sổ cấp GCN là CH00295; do Ủy ban nhân dân Quận A cấp ngày 06/01/2021 chứng nhận ông Đặng Trung T, sinh năm 1993, cư trú tại 8 Khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An, là chủ sử dụng đất, chủ sở hữu nhà tại địa chỉ 8 đường T, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi có được sổ hồng giả đã nêu, thông qua ông Bùi Tiến D và một người không rõ lai lịch có tên gọi là T3, bị cáo đã gặp ông Nguyễn Văn T4 để thỏa thuận vay tiền của ông T4. Khi gặp ông T4, bị cáo đã nói dối với ông T4 là bị cáo đang bị kẹt 02 container hàng hóa tại cảng, cần gấp một số tiền nên muốn thế chấp, cầm cố sổ hồng để vay 600.000.000đ.

Vì tin rằng bị cáo nói thật nên ông T4 đồng ý cho bị cáo vay tiền. Sau khi trao đổi, đôi bên thỏa thuận như sau: Ông T4 sẽ cho bị cáo vay 600.000.000đ nhưng đôi bên phải đến Văn phòng công chứng để lập văn bản đặt cọc mua bán nhà, đất 85/20 đường T, phường N, Quận A; trong thời hạn 02 đến 03 tháng, bị cáo có quyền chuộc lại nhà và trả tiền lãi cho ông T4; trong trường hợp không có tiền chuộc nhà thì bị cáo phải bán nhà cho ông T4; ngay sau khi ký hợp đồng tại Văn phòng công chứng, ông T4 sẽ chuyển khoản cho bị cáo.

Vào ngày 08/01/2022, ông T4 và bị cáo đến Văn phòng C ở Quận A để ký hợp đồng đặt cọc mua bán nhà. Tại đây, bị cáo đã giao sổ hồng cho nhân viên

của Văn phòng C để làm thủ tục ký kết hợp đồng đặt cọc mua bán nhà, đất thì nhân viên của Văn phòng C đã phát hiện ra sổ hồng do bị cáo giao nộp là giả nên đã báo cho Cơ quan công an.

[2].Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính. Bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai trái, bị pháp luật nghiêm cấm. Tuy nhiên, vì động cơ vụ lợi nên bị cáo vẫn cố ý vi phạm. Căn cứ vào các nhận định đã nêu, đối chiếc với quy định của pháp luật, có đủ căn cứ kết luận bị cáo đã phạm tội "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Tuy nhiên, qua xem xét toàn diện vụ án, nhận thấy cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm có một số sai sót nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật, có dấu hiệu để lọt tội phạm, để lọt người phạm tội, cụ thể như sau:

Về mặt ý thức chủ quan, bị cáo đã có ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông T4 600.000.000đ.

Về mặt khách quan, bị cáo đã dùng sổ hồng giả, đưa ra thông tin không đúng sự thật để thuyết phục ông T4 cầm cố sổ hồng giả và cho bị cáo vay 600.000.000đ. Thực tế, bị cáo đã thuyết phục được ông T4; ông T4 đã đồng ý cho bị cáo vay 600.000.000đ, với điều kiện là đôi bên phải đến cơ quan ký hợp đồng đặt cọc mua bán nhà, đất số H đường T, phường N, Quận A, ngay sau khi ký hợp đồng, ông T4 sẽ chuyển khoản cho bị cáo 600.000.000đ.

Việc bị cáo đưa ra thông tin gian dối, thuyết phục ông T4 cho vay tiền, đi đến Văn phòng C để ký hợp đồng đặt cọc mua bán nhà, đất, đưa sổ hồng giả cho nhân viên công chứng kiểm tra để làm thủ tục ký kết hợp đồng là nhằm chiếm đoạt 600.000.000đ của ông T4. Chuỗi các hành vi đã nêu là hành vi thực hiện tội phạm, thỏa mãn dấu hiệu khách quan của tội phạm "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Do bị nhân viên của Văn phòng công chứng phát hiện ra sổ hồng giả nên bị cáo không thể thực hiện được tội phạm đến cùng (mục đích phạm tội chưa đạt được). Theo quy định tại Điều 15 Bộ luật hình sự năm 2015 thì đây là trường hợp "phạm tội chưa đạt".

Trong buổi hỏi cung bị cáo vào ngày 04/10/2023 tại trụ sở Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, do kiểm sát viên Hoàng Tuyết V1 trực tiếp làm việc với bị cáo, bị cáo khai rằng bị cáo đến Văn phòng công chứng để kiểm tra sổ hồng giả. Trường hợp Văn phòng công chứng không phát hiện ra sổ giả thị bị cáo sẽ làm thủ tục ký công chứng cầm cố thế chấp sổ hồng cho anh T4 (bl.163).

Tại phiên tòa phúc thẩm, khi kiểm sát viên chất vấn, bị cáo cũng thừa nhận việc đưa sổ hồng giả cho nhân viên văn phòng công chứng kiểm tra xem có phát hiện ra không; trong trường hợp văn phòng công chứng không phát hiện ra sổ hồng giả thì bị cáo sẽ ký hợp đồng với ông T4 để lấy tiền.

Trong quá trình tố tụng, có lúc bị cáo khai rằng trên đường đến văn phòng C, bị cáo có nói với ông T4 rằng "Thôi chắc em không làm nữa", việc bị cáo đưa sổ hồng cho nhân viên công chứng là chỉ nhằm kiểm tra việc làm giả sổ hồng tinh

vi thế nào. Tuy nhiên, khi cho tiến hành đối chất, ông T4 không thừa nhận nội dung vừa nêu.

Việc Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 kháng nghị cho rằng *"Tín giao sổ hồng giả cho nhân viên văn phòng C là để kiểm tra xem việc làm giả tinh vi thế nào, có thể qua được sự kiểm tra của công chứng hay không, chứ không phải để mục đích ký hợp đồng bán nhà cho ông T4"* là mâu thuẫn với các tài liệu chứng cứ đã nêu. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 cho rằng bị cáo không phạm tội lừa đảo vì khi đến Văn phòng công chứng bị cáo đã dừng hành vi phạm tội. Nhận định như vừa nêu là không có căn cứ, không phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lý do đã nêu, cần hủy bản án sơ thẩm, giao hồ hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Do hủy án sơ thẩm nên không xem xét kháng cáo của bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 10.

[3]. Trong vụ án này, khi kiểm tra điện thoại di động của bị cáo thì phát hiện có hình ảnh bị cáo T chụp lại ảnh màn hình điện thoại di động có nội dung trao đổi giữa bị cáo với ông D về việc tìm nơi thế chấp sổ hồng. Trong quá trình tố tụng, bị cáo khai rằng theo thỏa thuận với ông D và T3 thì nếu cầm cố sổ hồng lấy được 600.000.000đ thì ông D và T3 sẽ được hưởng 200.000.000đ tiền môi giới (tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai rằng trong số tiền đã nêu 200.000.000đ vừa đề cập có 60.000.000đ là tiền bị cáo trả nợ cho D, còn lại 140.000.000đ là tiền môi giới). Việc trả tiền môi giới như đã nêu là có tính bất thường, có dấu hiệu cho thấy D, T3 biết được sổ hồng của T là sổ hồng giả. Do vậy, khi điều tra lại cũng cần điều tra làm rõ để xử lý.

[4].Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 1, khoản 5 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

1.Hủy bản án sơ thẩm số 60/2023/HS-ST ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

2.Giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra, xét xử lại theo thủ tục chung. Tiếp tục tạm giam bị cáo cho đến khi Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án.

3.Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao; (1)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND Cấp Cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP .HCM; (3)
- VKSND Quận 10; (1)
- P. PC27 – CATP; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại giam; (1)
- THA Quận 10; (1)
- TAND Quận 10; (1)
- Công an Quận 10; (1)
- UBND nơi BC cư trú; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Lưu, Tòa hình sự, hồ sơ. (4)

Trương Công Huấn